

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:59/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29/8/2022

“V/v: “Ly hôn giữa chị
N và anh H2”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế P.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị L.

2. Bà Lê Thị O.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tr V - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị H

- Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 150/2022/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc “Xin ly hôn” giữa:

***- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1983.

+ Sinh quán: thôn N1, xã P1, huyện K, tỉnh Hưng Yên

+ Trú quán và HKTT: Đội A, thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Hiện tạm trú tại: Ngõ C, tổ D, khu E, phường T, thành phố H1, tỉnh Q.(Có mặt tại phiên tòa).

*** - Bị đơn: Anh Đào Minh H2 - sinh năm 1981.**

+ Sinh, trú quán và HKTT: Đội A, thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Hiện tạm trú tại: Tổ D, khu E, phường T, thành phố H1, tỉnh Q.(Có mặt tại phiên tòa).

***- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Cháu Đào Nguyễn Huyền T1 - sinh ngày 23/01/2008.

+ Sinh, trú quán và HKTT: Đội A, thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Hiện tạm trú tại: Ngõ C, tổ D, khu E, phường T, thành phố H1, tỉnh Q.

2. Cháu Đào Phú - sinh ngày 31/5/2012.

+ Sinh, trú quán và HKTT: Đội A, thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Hiện tạm trú tại: Tổ D, khu E, phường T, thành phố H1, tỉnh Q.

*- Người giám hộ cho cháu Đào Nguyễn Huyền T1 và cháu Đào Phú T2 là anh Đào Minh H2 và chị Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, xét xử tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đào Minh H2 trên cơ sở tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Đ ngày 22/4/2007. Anh chị chung sống hòa thuận bình thường. Đến khoảng năm 2012, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm lối sống, tính tình không hòa hợp và do vì điều kiện kinh tế gia đình gặp khó khăn. Năm 2017, chị đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án, nhưng vì anh H2 xin cơ hội sửa đổi bản thân và vì thương con nên chị đã rút đơn. Đến năm 2019, chị lại làm đơn xin ly hôn, Tòa án đã thụ lý giải quyết. Nhưng do anh H2 tiếp tục xin và cũng vì thương con nên chị rút đơn. Tuy nhiên, kể từ đó cho đến nay tình trạng hôn nhân vẫn không được cải thiện. Từ cuối năm 2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể sống chung được nữa nên chị xin được ly hôn anh H2 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đào Nguyễn Huyền T1 (sinh ngày 23/01/2008) và cháu Đào Phú T2 (sinh ngày 31/5/2012). Hiện cháu T1 đang sống cùng chị, còn cháu T2 đang sống cùng anh H2. Nếu ly hôn, chị xin được nuôi cả hai cháu. Trường hợp anh H2 không nhất trí, chị xin được nuôi cháu T1, còn để anh H2 nuôi cháu T2. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, thì không yêu cầu đặt ra.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức chung và đất canh tác nông nghiệp 03 của vợ chồng: Chị không yêu cầu đặt ra.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng, xét xử tại Tòa án, bị đơn anh Đào Minh H2 trình bày:

Về hôn nhân: Quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn như chị N đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn va chạm như những gia đình khác, nhưng cũng không lớn lắm. Năm 2017, chị N đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án, nhưng anh đã xin cơ hội sửa đổi bản thân nên chị N đã rút đơn. Kể từ đó vợ chồng anh vẫn chung sống bình thường. Đến tháng 11/2021, anh phát hiện chị N nhắn tin qua lại với người đàn ông khác, anh chỉ biết tên là Nguyễn Văn H2 ở M còn tên tuổi

địa chỉ cụ thể thì anh không biết. Sau khi biết được sự việc anh đã khuyên nhủ chị N và vẫn tìm mọi cách để níu giữ gia đình cho các con anh. Tuy nhiên, chị N thể hiện thái độ bất cần đối với anh và gia đình nhà chồng, không còn sự gắn bó như trước. Khoảng 06 tháng trở lại đây, chị N đã dọn ra ngoài sinh sống, anh cũng nhiều lần tìm cách níu giữ nhưng chị N kiên quyết không về đoàn tụ cùng anh. Nay chị N xin ly hôn, do còn yêu thương vợ con nên anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Do anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không trình bày quan điểm về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức chung và đất canh tác nông nghiệp 03 của vợ chồng: Anh không yêu cầu đặt ra.

Tại biên bản lấy lời khai, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Cháu Đào Nguyễn Huyền T1: Nay mẹ cháu xin ly hôn với bố cháu, quan điểm của cháu là tôn trọng quyết định của bố mẹ. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với mẹ vì cháu là con gái ở với mẹ sẽ phù hợp hơn mặt khác cháu ở với mẹ đã quen và được mẹ chăm sóc rất chu đáo.

+ Cháu Đào Phú T2: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, do bố cháu thường xuyên phải đi làm và còn để được ở cùng với chị T1 nên cháu xin được ở cùng với mẹ. Quá trình ở với bố, cháu được bố chăm sóc chu đáo.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Đào Minh H2 vẫn giữ nguyên ý kiến và quan điểm trên đây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện và tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng trong vụ án. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án lệ phí Tòa án. Đề nghị xử: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đào Minh H2; Con chung: Giao cháu Đào Nguyễn Huyền T1 cho chị Nguyễn Thị N nuôi. Giao cháu Đào Phú T2 cho anh Đào Minh H2 nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Sau khi ly hôn, cả anh H2 và chị N đều được quyền xin thay đổi và quyền thăm nom con chung; Tài sản chung, công nợ chung và công sức chung của anh Đào Minh H2 và chị Nguyễn Thị N thì không đặt ra giải quyết; Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 26/5/2022, chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện anh Đào Minh H2, để xin được ly hôn và giải quyết về con chung. Anh Đào Minh H2 có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Đ, huyện K tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N và anh Đào Minh H2 kết hôn có đăng ký tại UBND xã Đ, nên đã xác lập quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, chị N đã nhiều lần đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau đã nhiều tháng nay. Cuộc sống, hạnh phúc gia đình đang ở trong tình trạng trầm T2, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị N được ly hôn với anh H2 để hai anh chị sớm ổn định cuộc sống.

3. *Về nuôi con chung:* Mặc dù anh H2 không đưa ra quan điểm về việc nuôi con chung, trong khi cháu Đào Nguyễn Huyền T1 và cháu Đào Phú T2 đều có nguyện vọng xin được ở với chị Nguyễn Thị N. Nhưng xét thấy cần giữ nguyên hiện trạng ổn định hiện nay, đồng thời để cả hai anh chị đều được trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chung, nên giao cho mỗi anh chị nuôi một cháu. Cụ thể, giao cháu T1 cho chị N và giao cháu T2 cho anh H2 tiếp tục nuôi, chăm sóc. Do chị N không yêu cầu và anh H2 không bày tỏ quan điểm, nên việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Khi nào anh H2, chị N có yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung thì làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ kiện dân sự khác. Sau khi ly hôn, cả anh H2 và chị N đều có quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức chung và đất canh tác nông nghiệp 03 của vợ chồng:* Do cả anh Đào Minh H2 và chị Nguyễn Thị N đều không yêu cầu phân chia, nên Tòa án không đặt ra xem xét. Khi nào anh, chị có yêu cầu phân chia thì làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

5. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng cần được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

6. *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn luật định các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đào Minh H2.

2. *Về con chung:* Giao cháu Đào Nguyễn Huyền T1 (sinh ngày 23/01/2008) cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi, chăm sóc. Giao cháu Đào Phú T2 (sinh ngày 31/5/2012) cho anh Đào Minh H2 tiếp tục nuôi, chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Sau khi ly hôn, cả anh H2 và chị N đều có quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức chung và đất canh tác nông nghiệp 03:* Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo Biên lai số 0007779 ngày 31/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên việc nộp án phí đã xong.

5. *Về quyền kháng cáo:* Anh Đào Minh H2 và chị Nguyễn Thị N (Có mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/8/2022. Cháu Đào Nguyễn Huyền T1 và cháu Đào Phú T2 (Vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại địa phương nơi cư trú./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện KC;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thế P